ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC CƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 126 /QĐ-UBND	*Đức Cơ, ngày 11 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2929/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Uỷ ban nhân dân huyện Đức Cơ về việc giao kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Xét Tờ trình số 04/TTr-TCKH ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết vốn kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 (đợt 1), số tiền: **30.240 triệu đồng** *(Ba mươi tỷ, hai trăm bốn mươi triệu đồng)* từ nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư, tiền sử dụng đất. Kèm theo bảng phân bổ chi tiết.

Điều 2. Căn cứ nguồn vốn được giao, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ có trách nhiệm tổ chức thực hiện và quyết toán đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - Thường trực HĐND huyện; - Lãnh đạo UBND huyện; - Lưu VT-VP.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH** **Vũ Mạnh Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ

Mẫu số 01/PB

PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG (ĐỢT 1)
NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân huyện).

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9,0	10,0	11,0	12,0	13,0	14,0	15,0	16
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**														
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**							**98.064,0**	**98.064,0**	**78.359,0**	**8.561,0**	**30.240,0**	**0,0**	**287,0**	
	TỈNH GIA LAI														
	Vốn trong nước							**98.064,0**	**98.064,0**	**78.359,0**	**8.561,0**	**30.240,0**	**0,0**	**287,0**	
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
I	**Vốn ngân sách nhà nước**							**98.064,0**	**98.064,0**	**78.359,0**	**8.561,0**	**30.240,0**	**0,0**	**287,0**	
	Vốn trong nước							**98.064,0**	**98.064,0**	**78.359,0**	**8.561,0**	**30.240,0**	**0,0**	**287,0**	
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
1	**Vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)**							**98.064,0**	**98.064,0**	**78.359,0**	**8.561,0**	**30.240,0**	**0,0**	**287,0**	
1.1	**Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí tỉnh phân cấp cho huyện đầu tư**							**40.764,0**	**40.764,0**	**24.886,0**	**2.828,0**	**21.240,0**	**0,0**	**0,0**	
a	***Ngành, lĩnh vực Quốc phòng***														
	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Pnôn	Xã Ia Pnôn	KBNN Đức Cơ	8002966		Năm 2023	2684/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.044,0	1.044,0	1.044,0		1.000,0			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8002955		Năm 2023	2680/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.100,0	1.100,0	1.050,0		1.050,0			
b	***Ngành, lĩnh vực: Giáo dục, đào tạo***														
	Trường Tiểu học Trần Phú	Xã Ia Dom	KBNN Đức Cơ	8002964	070-072	Năm 2023	2687/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	5.570,0	5.570,0	5.300,0	100,0	5.200,0			
	Trường Tiểu học Kim Đồng	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8004136	070-072	Năm 2023	2685/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	3.570,0	3.570,0	3.400,0	60,0	3.340,0			
c	***Ngành, lĩnh vực: Văn hóa, thông tin***														
	Nhà văn hóa xã Ia Dơk	Xã Ia Dơk	KBNN Đức Cơ	8002962	161	Năm 2023	2682/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	2.840,0	2.840,0	2.700,0		2.700,0			
	Di tích lich sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	7934390	161	Năm 2022-2023	3131/QĐ-UBND ngày 13/12/2021	12.110,0	12.110,0	5.042,0	2.568,0	1.700,0			công trình chuyển tiếp
d	***Ngành, lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế***														
	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Bình Trọng thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8001172	280- 292	Năm 2023	2686/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	2.450,0	2.450,0	2.350,0	50,0	2.300,0			
	Đường liên xã Ia Dơk - Ia Krêl - Ia Din (từ Đội 13 Chi nhánh Công ty TNHH MTV 75 làng Pong xã Ia Dơk đến ngã ba làng Nẻl)	xã Ia Din, Ia Krêl, Ia Dơk	KBNN Đức Cơ	7978030	280- 292	Năm 2022-2023	2262a/QĐ-UBND ngày 20/09/2022	9.500,0	9.500,0	1.600,0		1.600,0			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
e	***Ngành, lĩnh vực: Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước***														
	Trụ sở UBND xã Ia Pnôn	Xã Ia Pnôn	KBNN Đức Cơ	8003976	340-341	Năm 2023	2688/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	2.580,0	2.580,0	2.400,0	50,0	2.350,0			
1.2	**Nguồn vốn tiền sử dụng đất**							**57.300,0**	**57.300,0**	**53.473,0**	**5.733,0**	**9.000,0**	**0,0**	**287,0**	
a	***Ngành, lĩnh vực: Văn hóa, thông tin***														
b	***Ngành, lĩnh vực: Giáo dục, đào tạo***														
	Trường THCS Lý Tự Trọng	xã Ia Kla	KBNN Đức Cơ	8002963	070-073	Năm 2023	2686/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	9.900,0	9.900,0	9.500,0		2.400,0			
c	***Ngành, lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế***														
	Sửa chữa đường giao thông thôn MooK Trêl, Mook Đen xã Ia Dom	xã Ia Dom	KBNN Đức Cơ	7996452	280- 292	Năm 2023	2678/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.400,0	1.400,0	1.350,0		421,0			
	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	7996584	280-292	Năm 2023	2677/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	23.000,0	23.000,0	21.500,0		800,0			
	Chỉnh trang đường Trường Chinh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	8001171	280-292	Năm 2023	2681/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	11.700,0	11.700,0	11.000,0		3.400,0			
	Mở rộng hệ thống nước cấp nước thị trấn Chư Ty;	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	7996453		Năm 2023	2679/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	3.500,0	3.500,0	3.300,0		900,0			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (*)			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2023			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó		
								Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản	
	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tổ dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	7928031	280- 292	Năm 2022-2023	2773/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	5.200,0	5.200,0	4.533,0	3.733,0	792,0			
	Cải tạo, chỉnh trang điện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	KBNN Đức Cơ	7931139		Năm 2022-2023	2963/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	2.600,0	2.600,0	2.290,0	2.000,0	287,0		287,0	
1.3	**Nguồn kết dư ngân sách**							**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	
1	***Ngành, lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế***														
2	**Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương**														
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư**														